

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tên sản phẩm: NATRI CLORUA		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 7647-14-5 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Natri Clorua		Mã sản phẩm: không có	
- Tên thương mại: Muối Ăn			
- Tên khác: Sodium Clorua			
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: <b>CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC</b>  Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam  Email: hoachatthinhphuc@gmail.com  Hotline: 0833 299 222  Website: www.hoachatthinhphuc.vn		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <b>CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC</b>  Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam  Email: hoachatthinhphuc@gmail.com  Hotline: 0833 299 222  Website: www.hoachatthinhphuc.vn	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Nhà Máy Sản Xuất Muối Việt Nam			
- Mục đích sử dụng: ghi ngắn gọn mục đích sử dụng: Hóa chất sử dụng cho phòng Lab, dung môi			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Natri Clorua	7647-14-5	NaCl	99.5%

### III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. **Mức xếp loại nguy hiểm** : Loại

2. **Cảnh báo nguy hiểm** - dễ gây

kích ứng.

3. **Các đường tiếp xúc và triệu chứng**

- Đường da: gây kích ứng da

### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Rửa ngay với nước sạch ít nhất trong 15 phút và đi cấp cứu

2. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Cởi bỏ quần áo, rửa sạch với lượng nước lớn và xà phòng. Nếu có hiện tượng bị ngộ độc thì phải xử lý như điều 3.

3. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân ra chỗ thoáng khí. Làm hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân không thở được. Không hô hấp nhân tạo bằng kỹ thuật miệng-miệng hoặc miệng-mũi, phải sử dụng dụng cụ hô hấp thích hợp.

4. **Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Rửa sạch miệng. Không làm nôn. Cần có sự trợ giúp y tế.

### V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. **Xếp loại về tính cháy** : Chưa có thông tin

2. **Sản phẩm tạo ra khi bị cháy**: Carbon dioxide, carbonmonoxide,

3. **Các tác nhân gây cháy, nổ** :

4. **Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**: Sử dụng bình chữa cháy CO<sub>2</sub>, hóa chất chữa cháy, bột chữa cháy và phun hơi. Không dùng tia nước để chữa cháy vì có thể gây cháy lan..

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**: Sử dụng bình thở và các quần áo bảo hộ thích hợp

6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có) : Xử lý theo quy trình cháy hóa chất

### VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ**: Đưa người đến vị trí an toàn. Tránh hít hơi hoặc bụi hóa chất. Tắt nguồn gây tia lửa. Mặc quần áo bảo hộ có bình thở. Đậy kín nguồn gây dò rỉ nếu việc này không gây nguy hiểm cho người thực hiện.

- 2. **Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng**: Sử dụng cát để hấp thu. Ngăn ngừa hóa chất chảy vào nguồn nước, tầng hầm.

### VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

**1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm -**

Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt

- Tuân thủ các quy trình khi vận hành và lấy mẫu
- Có biển cảnh báo tại nơi chứa hoá chất

- Rửa tay sau khi thao tác với hoá chất

**2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản**

- Bảo quản nơi khô thoáng
- Đựng trong các thiết bị kín như thùng có nắp đậy, bao bì kín
- Không để gần nơi chứa các vật liệu có tính acid
- Các vật liệu không tương thích như: nhôm, kẽm, đồng, các hợp kim ..

**VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN****1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết**

Có quạt thông gió, hút hơi để làm giảm bớt lượng nhiệt khi tiếp xúc với hoá chất

**2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

- Bảo vệ mắt; Kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ
- Bảo vệ tay: Găng tay chống hoá chất
- Bảo vệ chân. ủng

**3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố****4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)****IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

Trạng thái vật lý:	Điểm sôi (°C): 1.465
Màu sắc: không màu	Điểm nóng chảy (°C): 801
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định : không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không phù hợp	Nhiệt độ tự cháy (°C): không phù hợp
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : 58,4 g/mol	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước: hoàn toàn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ PH : >14	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> ): 1.356	Các tính chất khác: nồng độ tối đa cho phép trong không khí

**X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT**

**1. Tính ổn định :** Nhạy sáng, nhạy với không khí. Hỗn hợp hơi với không khí gây nổ

**2. Khả năng phản ứng:**

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy:
- Các phản ứng nguy hiểm : Gây cháy nổ
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...):

Tránh bảo quản chung với các hợp chất chất oxy hóa mạnh,

- Phản ứng trùng hợp: không có

### XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Natri Clorua				Chưa có thông tin

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người :** không được phân loại là chất gây ung thư theo

CSHA, ACGIH

**2. Các ảnh hưởng độc khác**

### XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

#### 1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Natri Clorua			Chưa có thông tin

**2. Tác động trong môi trường -**

Mức độ phân hủy sinh học:

-Phân tán trong không khí

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

**1. Thông tin quy định tiêu hủy :** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm

**2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải**

**3. Biện pháp tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm

**4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý**

### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
--------------	-------	---------------------------	---------------------------	-------------------	-----------------	-------------------

<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</li> <li>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.</li> </ul>						Cố	
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...</p>							

**XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : không
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: không
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

**XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

**Ngày tháng biên soạn Phiếu:** 01/06/2024

**Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:**

**- Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC**

**Lưu ý người đọc:**

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc